

Hy thiêm  
Khương hoạt  
Khúc khắc (Thô phục linh)  
Ké đầu ngựa  
Mò qua (rẽ)  
Mộc qua  
Mộc thông  
Phòng ký  
Phòng phong  
Ngưu tất  
Ngũ vị tử  
Tầm gửi Dâu  
Tần giao  
Thạch hộc  
Thạch xương bồ  
Thăng ma  
Thiên ma  
Thiên niêm kiện  
Phá cổ chi  
Quốc chi  
Tỳ giải  
Uy linh tiên  
Xuyên khung  
Ý dĩ

### 7.2. Thuốc chữa tê thấp, thuốc loại độc phải thận trọng:

Ô dầu  
Hoàng年年底  
Mã tiền

### 7.3. Thuốc chữa thống phong (goutte):

Ngưu bàng (rẽ)

### 7.4. Thuốc làm mạnh gan, xương:

Cửu tinh  
Cao ban long  
Cốt toái bô  
Đỗ trọng Bắc  
Hô cốt  
Ky tư  
Ngưu tất  
Tục đoạn

Hậu phác bắc  
Quế chi

### 8. Thuốc về hệ tiêu hóa

8.1. Thuốc bồi tỳ (tăng cường chức năng của tỳ):  
Bạch truật  
Cam thảo  
Cù mài (Hoài sơn)  
Đại táo  
Đậu ván trắng  
Ích trí nhân  
Liên nhục (hạt Sen)  
Long nhãn  
Ý dĩ

### 8.2. Thuốc sinh tân (chữa các chứng bệnh do tân dịch bị khô cạn)

Ngọc trúc  
Ngũ vị tử  
Sa sâm (bắc, nam)  
Sinh địa hoàng (sinh địa)  
Thạch hộc  
Thiên hoa phấn  
Thiên môn đông  
Trám trắng (quả)  
Tri mẫu  
Tóc tiên (cỏ)

### 8.3. Thuốc làm ấm bụng, giúp tiêu hóa:

Bạc hà  
Bạch đậu khấu  
Bạch truật  
Cải củ (hạt)  
Chí thực  
Chí xác  
Cốc nha  
Đại hoàng  
Đại hồi  
Đại táo  
Đậu ván trắng  
Địa liền  
Gừng  
Hành ta

### 7.5. Thuốc giãn cơ (myorelaxant)